

**VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP  
NÔNG THÔN**

**DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - VNSAT**

# **BÁO CÁO**

**THỊ TRƯỜNG ĐỐI THỦ CẠNH TRANH –  
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ COLOMBIA**

**Hà Nội, 2019**

## MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG .....	3
1.1. Sự cần thiết của báo cáo .....	3
1.2. Tổng quan tình hình của Colombia .....	3
1.2.1. Thông tin chung .....	3
1.2.2. Kinh tế.....	4
1.2.3. Nông nghiệp Colombia.....	5
II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NGÀNH CÀ PHÊ COLOMBIA .....	6
2.1. Biến động sản xuất .....	7
2.2. Hoạt động chế biến và sơ chế sản phẩm.....	9
2.3. Chính sách hỗ trợ sản xuất.....	10
III. THỰC TRẠNG THƯƠNG MẠI CỦA NGÀNH CÀ PHÊ.....	11
3.1. Xuất khẩu.....	11
3.2. Nhập khẩu .....	13
3.3. Tiêu dùng trong nước và tồn kho .....	14
3.4. Biến động giá cà phê trong nước .....	15
3.5. Chính sách thương mại .....	16
IV. KẾT LUẬN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM.....	17
4.1. Kết luận.....	17
4.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam .....	18
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	22

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1: GDP ngành nông nghiệp Colombia từ 2007-2018 .....	5
Hình 2: Diện tích trồng cà phê của Colombia (nghìn ha) .....	7
Hình 3: Sản lượng cà phê của Colombia (nghìn bao 60 kg) .....	7
Hình 4: Cơ cấu sản lượng cà phê chế biến tại Colombia từ 2007-2018 .....	9
Hình 5: Lượng và giá trị xuất khẩu cà phê của Colombia giai đoạn 2007-2018 .....	11
Hình 6: Giá cà phê xuất khẩu bình quân của Colombia 2007-2018 (USD/tấn) .....	12
Hình 7: Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê chính của Colombia năm 2017-2018.....	12
Hình 8: Giá trị nhập khẩu cà phê của Colombia giai đoạn 2007-2018.....	13
Hình 9: Cơ cấu thị phần của các quốc gia xuất khẩu cà phê sang Colombia trong năm 2017-2018 (%).....	14
Hình 10: Tiêu dùng cà phê nội địa của Colombia từ 2007-2018 (nghìn bao 60 kg) ...	15
Hình 11: Diễn biến giá cà phê trong nước của Colombia (nghìn COP/bao 125 kg) ...	15

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản của Colombia .....	4
Bảng 2: Tồn kho cà phê Colombia từ niên vụ 2015/2016 đến 2019/2020 .....	15
Bảng 3: Diện tích, năng suất và sản lượng cà phê Colombia từ 2007-2018.....	20
Bảng 4: Cơ cấu sản lượng cà phê tại Colombia từ 2010-2019 (nghìn bao 60kg).....	20
Bảng 5: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Colombia từ 2007-2018 .....	20
Bảng 6: Giá xuất khẩu cà phê không tan bình quân năm của Colombia so với Việt Nam từ 2007-2018 (USD/tấn).....	21

## I. GIỚI THIỆU CHUNG

### 1.1. Sự cần thiết của báo cáo

Colombia là nước sản xuất cà phê đứng thứ 3 thế giới sau Brazil và Việt Nam, nhưng là nhà sản xuất cà phê arabica lớn thứ hai thế giới sau Brazil.

Trong khuôn khổ hoạt động xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành hàng lúa gạo và cà phê của dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững VnSAT, báo cáo phân tích thị trường đối thủ cạnh tranh về ngành cà phê – thị trường Colombia được xây dựng nhằm mục đích nắm bắt và hiểu thông tin về tình hình sản xuất, thương mại ngành cà phê của Colombia - nhà sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn thứ hai thế giới, đồng thời là đối thủ cạnh tranh của Việt Nam tại nhiều thị trường như Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật Bản.

Báo cáo tổng quan thị trường cà phê Colombia được tiến hành với 4 phần chính sau: (i) Giới thiệu chung về Colombia; (ii) Thực trạng sản xuất ngành cà phê Colombia; (iii) Thực trạng thương mại của ngành cà phê Colombia; và (iv) cuối cùng rút ra kết luận và một số lưu ý cho Việt Nam.

Những thông tin tổng hợp và phân tích trong báo cáo này được mong đợi sẽ là nguồn tham khảo để đưa ra những giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh ngành cà phê Việt Nam.

### 1.2. Tổng quan tình hình của Colombia

#### 1.2.1. Thông tin chung

**Tên nước:** Cộng hoà Colombia (Republica de Colombia)

**Thủ đô:** Santa Fe de Bogota, thường gọi tắt là Bôgôta

**Diện tích:** 1.138.910 km<sup>2</sup>

**Dân số:** 49.993.441 (tháng 11/2019), đứng thứ 28 trên thế giới

**Ngôn ngữ:** Tiếng Tây Ban Nha

**Đơn vị tiền tệ:** Pê – xô Cô-lôm-bi-a (COP)

**Vị trí địa lý:** Nằm ở Tây Bắc lục địa Nam Mỹ, phía Bắc giáp Pa-na-ma và biển An-ti-gias, Đông giáp Venezuela và Brazil, Nam giáp Peru và Ecuador, Tây giáp biển Thái Bình Dương.

**Địa hình:** Các vùng đất thấp ven biển bằng phẳng, cao nguyên ở miền Trung, các đồng bằng đất thấp ở phía Đông.

**Thiên tai:** Vùng đất cao có núi lửa hoạt động; thường có động đất; lũ lụt

**Các vấn đề về môi trường:** Nạn phá rừng, chất đất bị suy giảm do dùng quá nhiều thuốc trừ sâu; ô nhiễm không khí, đặc biệt ở Bogota, do khí thải của các phương tiện giao thông.

**Khí hậu:** Nhiệt đới ở vùng biển và đồng bằng, lạnh hơn ở cao nguyên.

### 1.2.2. Kinh tế

Colombia là một nền kinh tế có mức thu nhập người dân trên mức trung bình, là nền kinh tế lớn thứ tư Mỹ Latin. Dầu mỏ là mặt hàng xuất khẩu chính của Colombia, chiếm hơn 50% kim ngạch xuất khẩu của Colombia. Sản xuất chiếm gần 12% kim ngạch xuất khẩu của Colombia, và tăng trưởng với mức trên 10% một năm. Colombia có ngành công nghiệp công nghệ thông tin phát triển nhanh nhất trên thế giới và có mạng lưới cáp quang dài nhất ở Mỹ Latin. Colombia cũng có một trong những ngành công nghiệp đóng tàu lớn nhất thế giới.

Từ đầu thập kỷ 90, Colombia tiến hành cải cách kinh tế theo hướng tự do hoá, với các biện pháp giảm thuế, bỏ quản lý tài chính, tiến hành tư nhân hoá, thả nổi tỷ giá hối đoái, mở cửa cho đầu tư nước ngoài. Thời gian gần đây, Colombia là nền kinh tế tăng trưởng khá cao trong khu vực (2006: 6%; 2007: 7,5%) và có dấu hiệu phục hồi tích cực trong năm 2010 (quý I tăng 3,34%, dự kiến cả năm tăng 3,8%) sau giai đoạn suy giảm 2008-2009 do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu. Sau khi lên nắm quyền, Chính phủ Santos cam kết tiếp tục duy trì chính sách tài chính chặt chẽ, đầu tư mạnh vào xây dựng cơ sở hạ tầng, giữ lạm phát thấp, giảm tỉ lệ thất nghiệp, ổn định đồng nội tệ, tập trung tăng cường tự do hoá thương mại, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế; xây dựng hạ tầng, cải thiện nhà ở cho nhân dân...;

Colombia trong thập kỷ qua đã trải qua một sự bùng nổ kinh tế lịch sử bất chấp các vấn đề trong quá khứ. Năm 1990, Colombia là nền kinh tế lớn thứ năm của Mỹ Latin và có GDP bình quân đầu người chỉ có 1500 USD, vào năm 2016, đây là nền kinh tế lớn thứ 4, và lớn thứ 42 trên thế giới. Tính đến năm 2016, GDP (PPP) bình quân đầu người có tăng lên đến hơn 14.000 USD và GDP (PPP) đã tăng từ 120 tỷ USD vào năm 1990 lên gần 700 tỷ USD. Mức độ đói nghèo ở mức cao đến 65% vào năm 1990, nhưng giảm xuống còn dưới 15%. Các ngành công nghiệp hiện đại như đóng tàu, điện tử, ô tô, du lịch, xây dựng và khai thác mỏ, đã tăng trưởng mạnh trong những năm 2000 và thập niên 2010, tuy nhiên, hầu hết hàng xuất khẩu của Colombia vẫn dựa trên hàng hóa. Colombia là nước sản xuất thiết bị điện tử và thiết bị sản xuất trong nước lớn thứ 2 Mỹ Latin chỉ đứng sau Mexico. Người ta ước tính rằng vào năm 2023, Colombia sẽ là quốc gia 20-50 thứ 10 sau Thổ Nhĩ Kỳ và Mexico. Colombia có nền kinh tế lớn tăng trưởng nhanh nhất trong thế giới phương Tây, và chỉ đứng sau Trung Quốc trên toàn thế giới.

**Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản của Colombia**

Năm	2016	2017	2018	2019 (dự kiến)	2020 (dự kiến)
-----	------	------	------	----------------	----------------

Tốc độ tăng trưởng GDP	2,1%	1,4%	2,6%	2,20%	2,30%
CPI	7,51%	4,31%	3,24%	4,38%	4,50%
Xuất khẩu hàng hóa (Tỷ USD), giá FOB	41,62	47,06	52,48	54,40	54,54
Nhập khẩu hàng hóa (tỷ USD), giá FOB	60,77	62,88	69,00	60,20	61,78

*Nguồn: Ngân hàng thế giới*

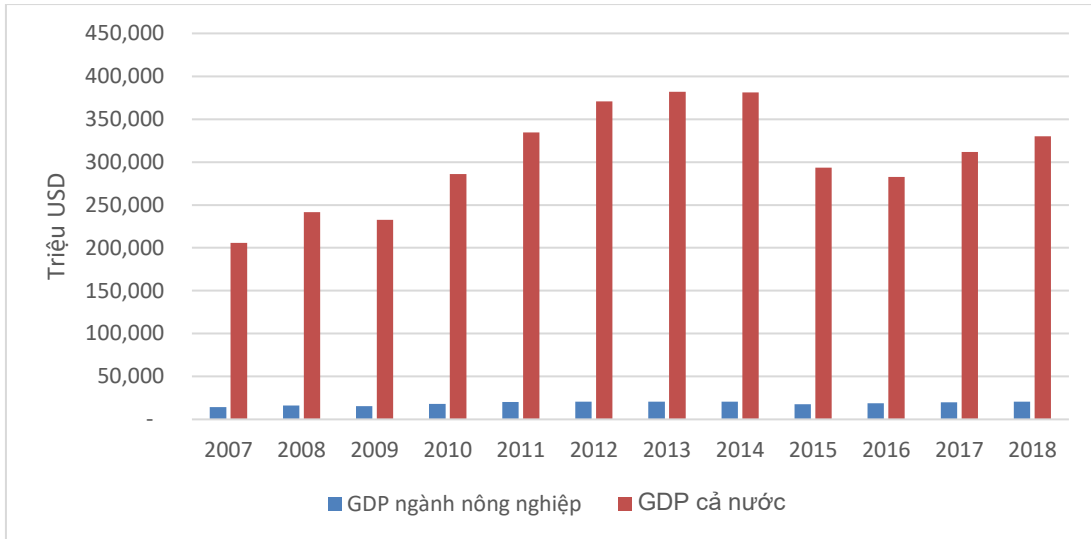
### **1.2.3. Nông nghiệp Colombia**

Colombia là nước giàu khoáng sản và năng lượng: đứng đầu khu vực về trữ lượng than (chiếm 40% tổng trữ lượng của Mỹ Latinh), thứ hai khu vực về tiềm năng thủy điện (sau Brazil), dầu lửa có trữ lượng khoảng 3,1 tỷ thùng, ngoài ra còn có vàng, bạc, pla-tin... Điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nhất là cà phê (chiếm 16% xuất khẩu thế giới), hoa, thuốc lá, thịt bò, ngũ cốc, hoa quả... Nền nông nghiệp của Colombia, vốn đóng góp 6-7% vào tổng thu nhập nền kinh tế nước này, luôn nhận được sự quan tâm của chính phủ.

Nổi bật trong số các chính sách phát triển nông nghiệp bền vững là Chương trình sáng kiến Colombia Siembra được chính phủ đề xuất là chính sách nông nghiệp thể hiện cam kết của quốc gia nhằm tái cơ cấu của vùng nông thôn Colombia. Sáng kiến này được thúc đẩy từ giữa năm 2015 và 2018 hỗ trợ sự phát triển của ngành nông nghiệp, giúp làm tăng nguồn cung nông sản cho đất nước và thúc đẩy xuất khẩu nông sản với giá trị gia tăng cao, thông qua việc tăng diện tích trồng và năng suất.

Sáng kiến này sẽ mang lại lợi ích cho tất cả các chủ thể nông nghiệp (Nông nghiệp gia đình, Nông dân và Doanh nghiệp nông nghiệp), cung cấp cho họ các công cụ tài chính phù hợp với nhu cầu của các hoạt động sản xuất của họ. Colombia Siembra sẽ tạo ra một môi trường thuận lợi để thúc đẩy các khoản đầu tư cần thiết vào các lĩnh vực mới, gói công nghệ, giải pháp nước, cơ sở hạ tầng, máy móc, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

### **Hình 1: GDP ngành nông nghiệp Colombia từ 2007-2018**



*Nguồn: Ngân hàng nhà nước Colombia*

Với khoản đầu tư 1,6 tỷ đô la trong ba năm tới, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã công bố cho nước này thực hiện các mục tiêu của kế hoạch Colombia Siembra, nhằm thay thế 50% trong số 10 triệu tấn nhập khẩu của thực phẩm bằng cách tự sản xuất trong nước.

Chính sách mới tìm cách tăng diện tích và sản lượng dành cho sản xuất và thúc đẩy xuất khẩu nông sản và cây công nghiệp, từ 7.131.500 ha trồng lên 8.131.500 ha. "Đây không phải là kế hoạch của Bộ Nông nghiệp mà là của tất cả các tác nhân trong lĩnh vực nông nghiệp được thiết kế vì lợi ích của tất cả người dân nông thôn", Bộ trưởng giải thích rằng Colombia Siembra dự kiến sẽ thúc đẩy sự phát triển của ngành, cho phép tăng trưởng 4,5% trung bình hàng năm giữa năm 2016 và 2018, tăng cao hơn 1,7% so với 25 năm qua.

Theo cách này, mục đích là để thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp từ 2,3% (2014) lên 6,2% trong năm 2018 và tạo ra 264 nghìn việc làm trong lĩnh vực này trong ba năm tới, nhiều hơn 10% so với con số hiện tại sau khi vượt qua 2.690.111 việc làm lên 2.954.185 việc làm với mức tăng 10%.

Colombia đã đầu tư khoảng 1,6 tỷ trong giai đoạn 2016-2018 nhằm nội địa hóa các sản phẩm nông nghiệp, hạn chế nhập khẩu và duy trì an ninh lương thực quốc gia. Trong 25 năm qua, Colombia đã không trồng hơn 500.000 ha và thường xuyên phải nhập khẩu lương thực thực phẩm từ các nước khác. Sáng kiến mới được cho là giải pháp hiệu quả giúp quốc gia này khắc phục tình trạng an ninh lương thực bị đe dọa do các yếu tố lịch sử gây khó khăn cho nông nghiệp (nội chiến, đất đai canh tác bị bỏ hoang...).

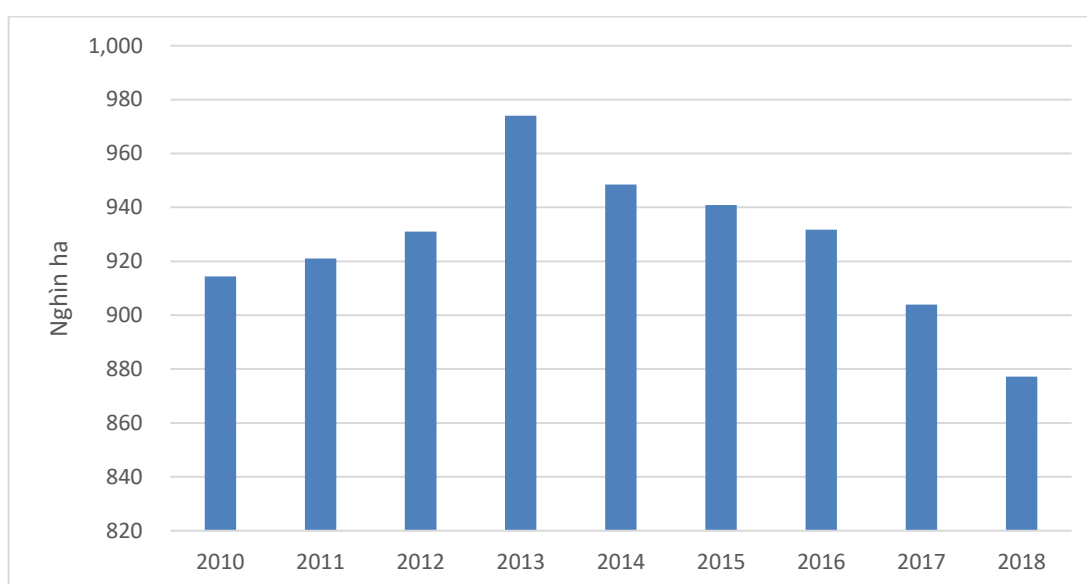
## **II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NGÀNH CÀ PHÊ COLOMBIA**

## 2.1. Biến động sản xuất

Diện tích trồng cà phê tại Colombia có xu hướng tăng trong giai đoạn 2007-2013. Niên vụ 2007/08, diện tích trồng cà phê đạt khoảng 878 nghìn ha, và tăng dần lên mức 974 nghìn ha niên vụ 2013/14. Sau đó, diện tích trồng cà phê giảm dần và đến niên vụ 2018/19 là 877 nghìn ha.

Trong năm 2019, Liên đoàn Người trồng cà phê quốc gia Colombia (FNC) tăng gấp đôi nỗ lực tăng năng suất cà phê cho các nhà sản xuất, coi trọng tầm quan trọng của việc đồng trách nhiệm toàn cầu đối với chuỗi cà phê bền vững.

**Hình 2: Diện tích trồng cà phê của Colombia (nghìn ha)**

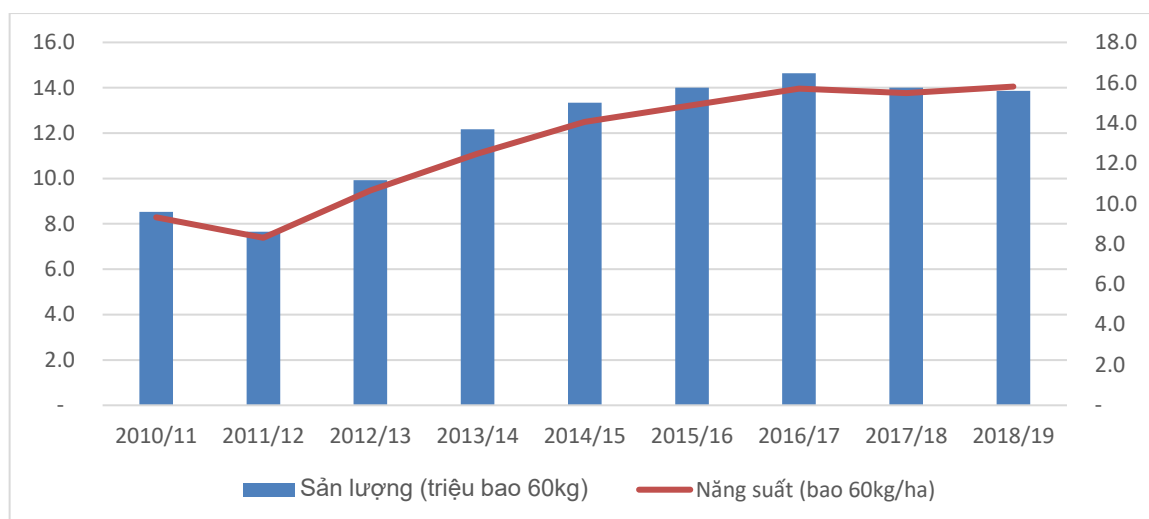


*Nguồn: FEDECAFE*

Mặc dù diện tích sản xuất giảm, năng suất và sản lượng cà phê của Colombia tăng bình quân 2,8% trong giai đoạn 2007-2018 nhờ chương trình tái canh cà phê từ năm 2013 đã đạt hiệu quả. Trong niên vụ 2018/19, sản lượng cà phê đạt 13,9 triệu bao 60 kg, giảm 0,96% so với niên vụ 2017/18, nhưng đã tăng 39,7% so với niên vụ 2012/13 khi bắt đầu thực hiện chương trình tái canh. Tương tự, năng suất cà phê niên vụ 2018/19 cũng tăng 2% so với niên vụ trước và tăng 48,3% so với niên vụ 2012/2013. Colombia là nước sản xuất cà phê lớn thứ 3 thế giới, chỉ sau Brazil, Việt Nam, chiếm 8,84% tổng thị phần cà phê thế giới năm 2018.

**Hình 3: Sản lượng cà phê của Colombia (nghìn bao 60 kg)**





*Nguồn: FEDECAFE*

Theo báo cáo của USDA, trong niên vụ 2019/20, sản lượng cà phê của Colombia được dự báo sẽ đạt 14,3 triệu bao, vì thời kỳ nở hoa ở các vùng cà phê chính đã chỉ ra mức sản xuất tốt hơn, giả sử điều kiện thời tiết thuận lợi. Một sự ra hoa tốt trong cây giúp xác định kích thước của vụ thu hoạch. Trong tháng đầu tiên của niên vụ 2019/20, tháng 10 năm 2019, sản lượng cà phê đạt 1.136 bao, mức cao nhất hàng tháng kể từ tháng 7 năm 2017. Ước tính sản xuất sửa đổi cho niên vụ 2018/19 giảm từ 14,3 xuống còn 13,9 triệu bao, chủ yếu do khô hạn kéo dài điều kiện thời tiết ảnh hưởng đến giai đoạn làm đầy trái cây.

Từ thành công của chương trình tái canh cà phê, Liên đoàn người trồng cà phê Colombia (Fedecafe) ước tính rằng năng suất cà phê trung bình đã tăng lên 18,8 bao mỗi ha, cao hơn 36% so với thập kỷ trước (13,8 bao/ha). Năm 2018, 82.000 ha đã được cải tạo, chủ yếu là giống chống gỉ, mật độ trồng tăng lên 5.200 cây/ha, năng suất ở mức cao 18,8 bao mỗi ha, và tuổi trồng cà phê trung bình giảm xuống còn 6,8 năm, năm 2010 là 10,8 năm. Theo khảo sát của Fedecafe, trung bình mức độ sâu đục thân và sâu bệnh tiếp tục ở mức dưới hai phần trăm.

Fedecafe và chính phủ Colombia có kế hoạch tăng số ha được cải tạo lên ít nhất 90.000 mỗi năm, chiếm gần 10% tổng diện tích trồng. Chi phí cải tạo cho mỗi ha được ước tính từ 8 đến 12 triệu peso Colombia (\$ 2,860- \$ 4,285).

Các vùng Caldas, Quindío và Risaralda được coi là vùng cà phê Colombia (eje cafetero trong tiếng Tây Ban Nha) bởi vì nhiều năm trước họ đã trồng và sản xuất phần lớn cà phê Colombia. Tuy nhiên, do chi phí lao động nông nghiệp và biến đổi khí hậu thấp hơn, sản xuất cà phê đã chuyển sang các khu vực khác như Huila, Antioquia và Tolima. Năm 2018, ba khu vực này chiếm 46% tổng sản lượng cà phê của Colombia, trong khi Caldas, Quindío và Risaralda chỉ chiếm 16,5%. Khu vực cà phê

của người Hồi giáo ngày nay nổi tiếng với việc phát triển các điểm du lịch để làm nổi bật cà phê Colombia và văn hóa của nó.

## **2.2. Hoạt động chế biến và sơ chế sản phẩm**

Việc thu hoạch và sơ chế trái cà phê trên cây cà phê là công đoạn quan trọng quyết định đến chất lượng sau cùng của 1 tách cà phê khi đến tay người tiêu dùng. Hiện nay, có nhiều cách thu hoạch như sau:

*Hái bằng tay:* Con người thực hiện công việc này hoàn toàn không có sự hỗ trợ từ máy móc. Người nông dân thu hoạch những trái cà phê đã chín hoàn toàn nhằm bảo đảm chất lượng của tất cả các hạt là đồng đều nhau

*Tước cành hoặc thu hoạch bằng máy:* Phương pháp này không đảm bảo chất lượng của tất cả các hạt cà phê là đồng đều nhau.

*Ngâm nước:* Trái cà phê sau khi thu hoạch sẽ được ngâm trong nước nhằm để tách hoàn toàn lớp vỏ ngoài của trái cà phê.

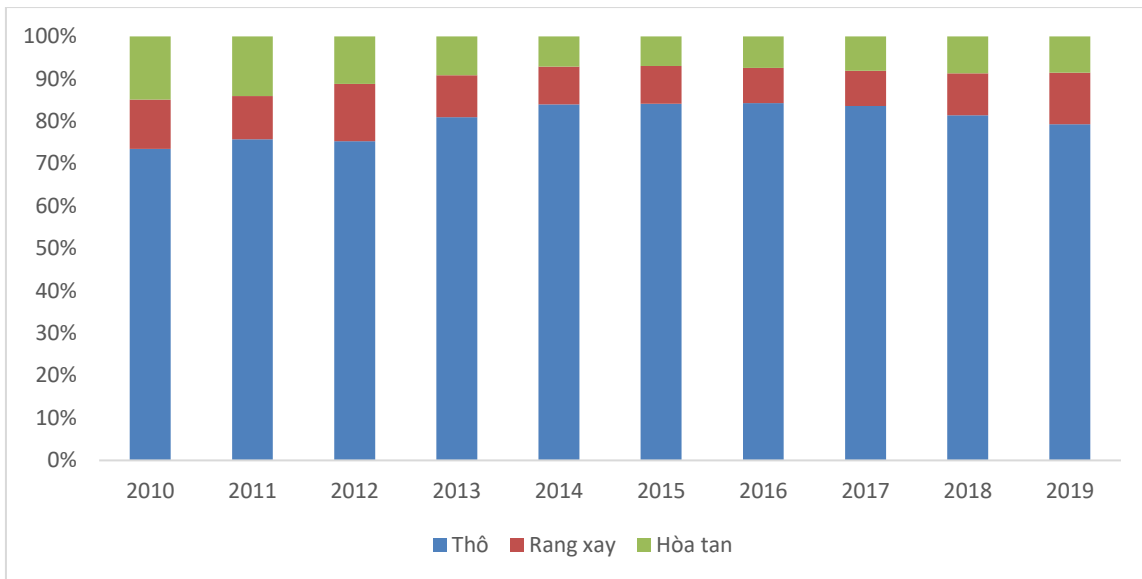
*Phơi khô:* Trái cà phê sau khi được ngâm nước sẽ được phơi khô dưới ánh nắng mặt trời từ 2- 3 ngày ở nhiệt độ khoảng 30<sup>o</sup>C. Lúc này, người nông dân sẽ dùng dụng cụ để rang các hạt cà phê để bung hoàn toàn lớp vỏ ngoài của trái cà phê.

*Chọn lựa:* Chọn lựa lại lần cuối cùng bằng những sàng cà phê 14 hoặc 16 nhằm đảm bảo chất lượng các hạt cà phê có kích thước đều nhau.

Một trong những truyền thống lâu đời của ngành cà phê Colombia là quá trình chế biến ướt có tên gọi Beneficio. Về cơ bản, quá trình này cũng không quá khác biệt với trình tự chế biến ướt tại một số quốc gia khác như Brazil hay Indonesia. Việc thu hoạch bắt đầu vào buổi sáng, hầu hết được thu hái thủ công, chọn lọc từng quả chín đủ chất lượng, và hạt cà phê được xay xát ngay sau đó. Quá trình lên men trong bể nước diễn ra từ 12-18 giờ. Khi lên men hoàn tất, cà phê được cạo rửa chất nhầy và phơi khô.

Tại Colombia, tỷ lệ cà phê được chế biến sâu sau thu hoạch chưa nhiều. Tuy nhiên, sản phẩm cà phê thô cũng được coi là đặc sản của riêng quốc gia này, giúp đem lại giá trị lợi nhuận cao cho người nông dân.

### **Hình 4: Cơ cấu sản lượng cà phê chế biến tại Colombia từ 2007-2018**



*Nguồn: USDA*

### 2.3. Chính sách hỗ trợ sản xuất

Các chính sách hỗ trợ sản xuất cho người trồng cà phê Colombia phần lớn được thực hiện bởi Liên đoàn những người trồng cà phê Colombia (Fedecafe). Được thành lập từ năm 1927 vì lợi ích của tất cả nông dân trồng cà phê và cộng đồng, Fedecafe có sự tham gia của gần như toàn bộ những người trồng cà phê Colombia, với số lượng lên đến trên 500.000 thành viên. Bằng việc gia nhập hiệp hội - một tổ chức lớn duy nhất - những người nông dân sẽ được hưởng nhiều quyền lợi và tăng thêm sức mạnh của mình. Điều này đặc biệt quan trọng vì hiện nay quy mô trung bình của một trang trại cá nhân ở Colombia mới vào khoảng 2 ha.

Trong năm 2019, Fedecafe tăng gấp đôi nỗ lực tăng năng suất cà phê cho các nhà sản xuất, coi trọng tầm quan trọng của việc đồng trách nhiệm toàn cầu đối với chuỗi cà phê bền vững. Fedecafe sẽ hành động theo ba mục tiêu: tăng năng suất cà phê, tăng tiêu thụ cà phê nội địa và giảm chi phí sản xuất. Đối với hai mục tiêu đầu tiên, chương trình “Tăng kỹ thuật nông nghiệp, tăng năng suất” sẽ tiếp tục nhận hỗ trợ lớn. Nhờ vào kỹ thuật nông nghiệp, 81% diện tích cà phê tại Colombia đã trồng được giống cà phê có sức kháng bệnh cao, năng suất là 18,83 bao cà phê hạt/hecta và tuổi cây trung bình là 6,8 năm. Tuy nhiên, để duy trì kết quả tốt như thế này mỗi năm, ít nhất 10% diện tích cà phê phải được tái canh.

Bên cạnh phòng chống dịch nấm ghi sét lá, tái canh cà phê không chỉ cho phép duy trì phòng dịch bệnh mà còn tăng năng suất, cải thiện thu nhập cho nhà sản xuất cà phê. Năm ngoái, 9,4% diện tích cà phê đã được tái canh, đây là chỉ báo tốt song vẫn cho thấy tái canh cà phê vẫn là một thách thức chỉ đạt được nếu nhà sản xuất được tiếp cận với các nguồn thông tin và tài chính được Fedecafe cam kết.

Với sự hỗ trợ như vậy cũng với điều kiện thời tiết thuận lợi hơn trong năm 2018, sản lượng cà phê Colombia trong nửa đầu năm nay ước đạt khoảng 5,89 – 6,37 triệu bao với triển vọng sản lượng cà phê năm nay có thể đạt gần 14 triệu bao.

Giảm chi phí sản xuất bằng việc áp dụng cơ giới hóa do Trung tâm Nghiên cứu Cà phê Quốc gia (Cenicafé) phát triển là một bước trong định hướng này và đó là lý do tại sao Fedecafe sẽ tiếp tục làm việc để thúc đẩy áp dụng công nghệ tiên tiến cho nhiều nhà sản xuất cà phê.

Ngoài chương trình tái canh, Fedecafe đã quảng bá thông qua dịch vụ khuyến nông của mình, chiến lược Cần trọng hơn, năng suất cao hơn nhằm mục đích thực hiện các thực tiễn tốt nhất về nông học để tăng kết quả của chương trình trồng lại.

Năm 2018, Fedecafe ước tính có 540.000 gia đình trồng cà phê, trong đó nông dân nhỏ với diện tích dưới 5 ha chịu trách nhiệm cho khoảng 69% sản lượng cà phê ở Colombia. Có khoảng 900.000 ha cà phê được trồng ở Colombia, nhưng chỉ có 780.000 tương ứng với các loại cây trồng kỹ thuật, có nghĩa là chúng được trồng một phần với các giống cà phê được cải tiến, chẳng hạn như cây chống gỉ, trồng dày đặc và trẻ hơn 12 tuổi. Khoảng 80% diện tích cà phê được trồng các giống chống gỉ, so với 35% vào năm 2010, khi điều kiện thời tiết có tác động tàn phá đến sản xuất cà phê.

Bên cạnh đó, Bộ Nông nghiệp cũng đang hỗ trợ các dự án cụ thể về nâng cao quy trình xử lý sau thu hoạch và chất lượng cây cà phê. Số tiền được phân bổ trong năm 2018 bởi chính phủ Colombia và Quỹ của Fedecafe ước tính trị giá 45.000 triệu COP (16 triệu USD), chủ yếu để hỗ trợ chương trình tái canh cây cà phê.

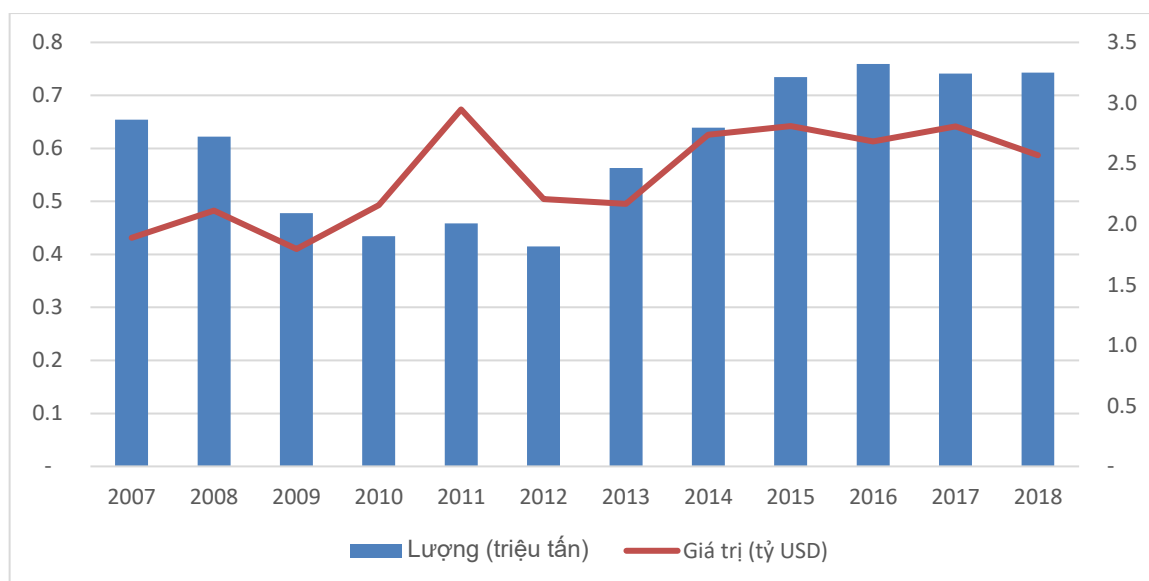
### **III. THỰC TRẠNG THƯƠNG MẠI CỦA NGÀNH CÀ PHÊ**

#### **3.1. Xuất khẩu**

Là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ 3 thế giới, lượng và giá trị xuất khẩu cà phê của Colombia đã tăng đáng kể từ năm 2013, phản ánh sự phục hồi trong sản xuất cà phê, chủ yếu nhờ chương trình tái canh nhằm thay thế các cây cà phê già cỗi, cho năng suất thấp bằng các giống cây chống được bệnh gỉ sắt được triển khai từ năm 2012 đến nay.

Năm 2018, xuất khẩu cà phê của Colombia đạt 743 nghìn tấn với giá trị đạt 2,6 tỷ USD, giảm nhẹ về giá trị so với năm 2017 do giá cà phê giảm mạnh, nhưng vẫn tăng lần lượt 32% và 18,6% về lượng và giá trị so với năm 2013.

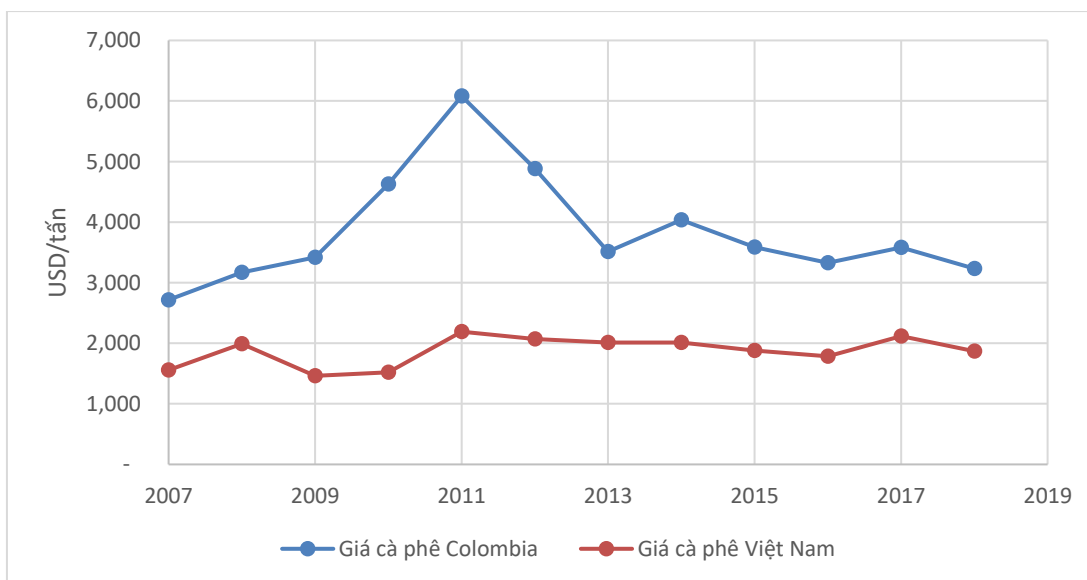
#### **Hình 5: Lượng và giá trị xuất khẩu cà phê của Colombia giai đoạn 2007-2018**



*Nguồn: Trademap*

Giá xuất khẩu bình quân cà phê của Colombia năm 2018 đạt 3.232 USD/tấn, giảm 9,8% về giá trị theo xu hướng giảm của thị trường thế giới. Tuy nhiên, so với giá cà phê xuất khẩu bình quân của Việt Nam thì giá cà phê xuất khẩu của Colombia vẫn luôn cao hơn khoảng 1.200 – 2.000 USD/tấn, chủ yếu do khác biệt về giá của từng chủng loại cà phê của mỗi quốc gia.

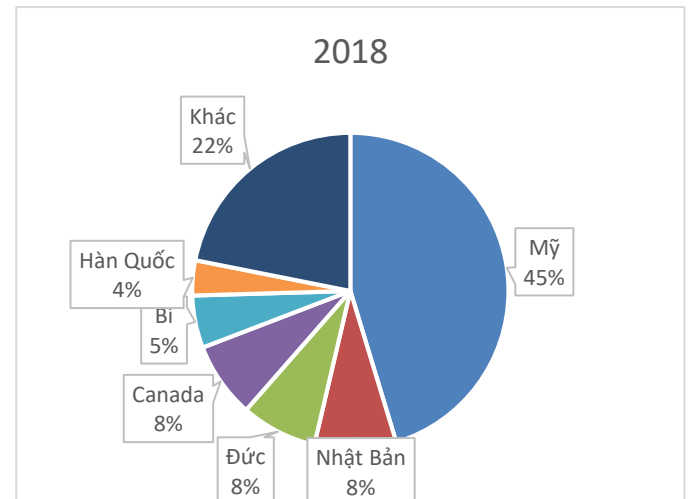
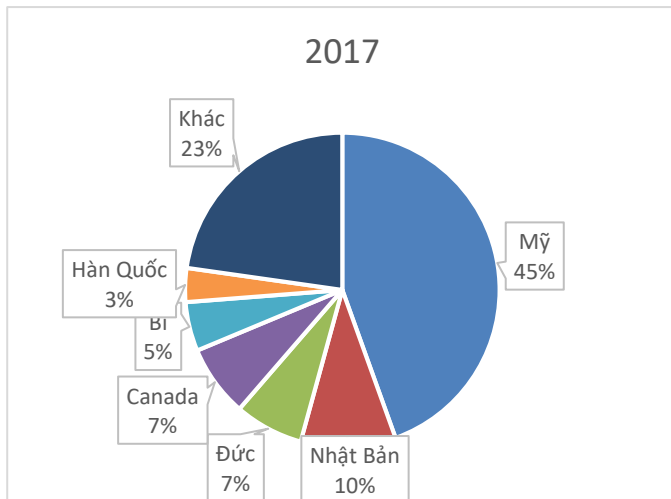
**Hình 6: Giá cà phê xuất khẩu bình quân của Colombia 2007-2018 (USD/tấn)**



*Nguồn: Trademap*

Thị trường xuất khẩu lớn nhất của cà phê Colombia trong 2 năm vừa qua là Mỹ, chiếm 45% tổng thị phần xuất khẩu. Tiếp theo là các thị trường là Nhật Bản, Đức, Canada (8%) và Bỉ (5%).

**Hình 7: Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê chính của Colombia năm 2017-2018**

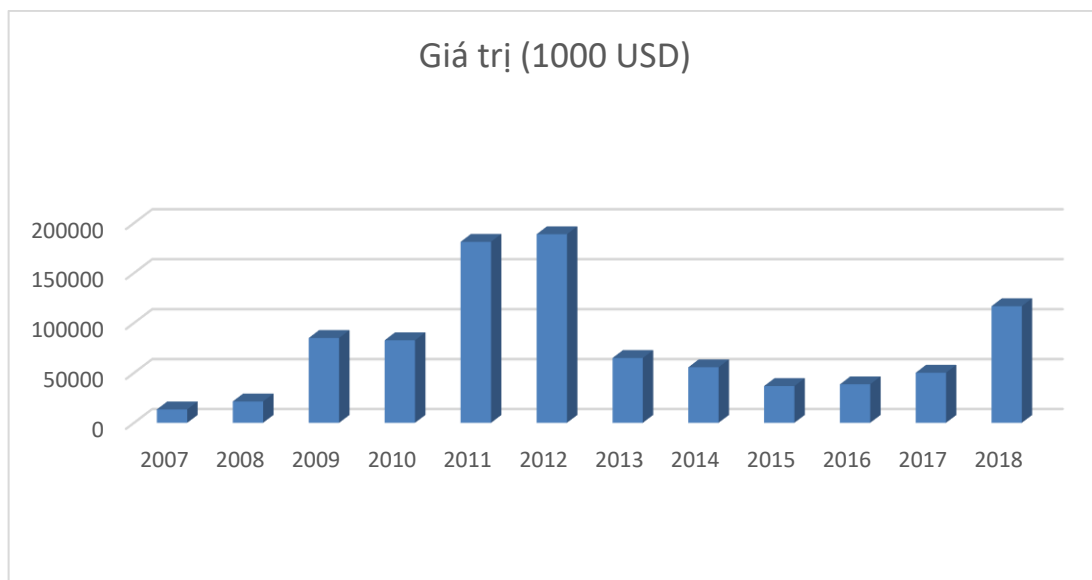


*Nguồn: Trademap*

### 3.2. Nhập khẩu

Do Colombia chỉ sản xuất chủ yếu cà phê Arabica chế biến ướt chất lượng cao, nước này cũng có nhập khẩu một lượng nhỏ cà phê từ các quốc gia khác, chủ yếu là cà phê Robusta nhân xô phục vụ chế biến trong nước hoặc cà phê hòa tan ba trong một được chế biến sẵn.

**Hình 8: Giá trị nhập khẩu cà phê của Colombia giai đoạn 2007-2018**

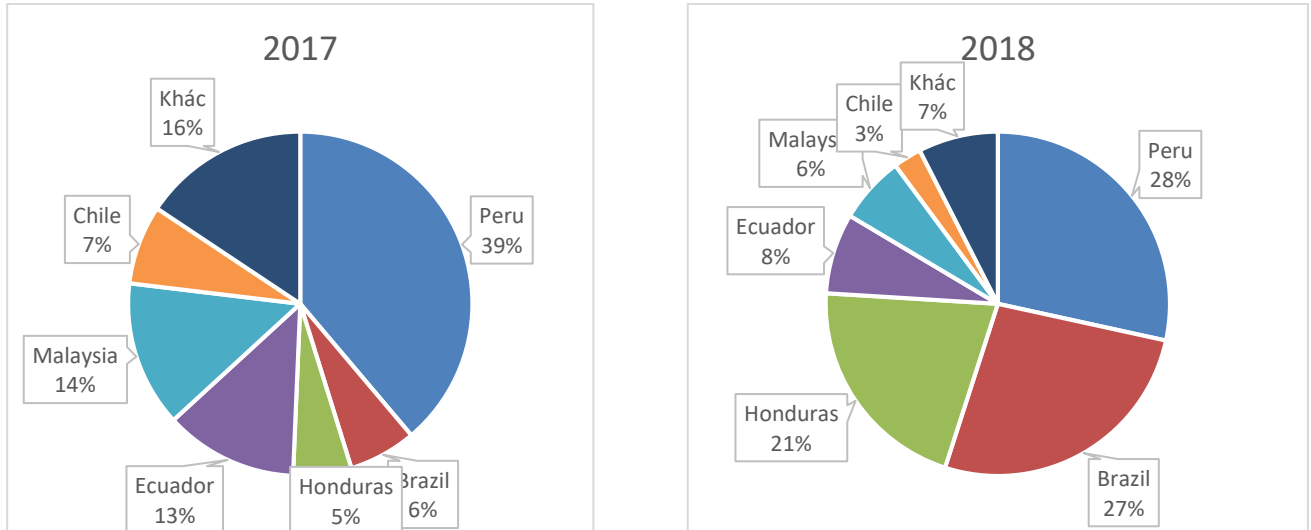


*Nguồn: Trademap*

Nhập khẩu cà phê của Colombia trong năm 2018 đạt 21,59 nghìn tấn với giá trị đạt 30,54 triệu USD, giảm 15,68% về lượng và 40,89% về giá trị so với năm 2013. Giá nhập khẩu bình quân cà phê của Colombia năm 2017 đạt 1.414,32 USD/tấn, giảm 1,33%

so với năm 2016 và giảm 29,9% so với năm 2013. Dự báo lượng cà phê nhập khẩu niên vụ 2018/2019 không có thay đổi đáng kể so với niên vụ 2017/18.

**Hình 9: Cơ cấu thị phần của các quốc gia xuất khẩu cà phê sang Colombia trong năm 2017-2018 (%)**



*Nguồn: Trademap*

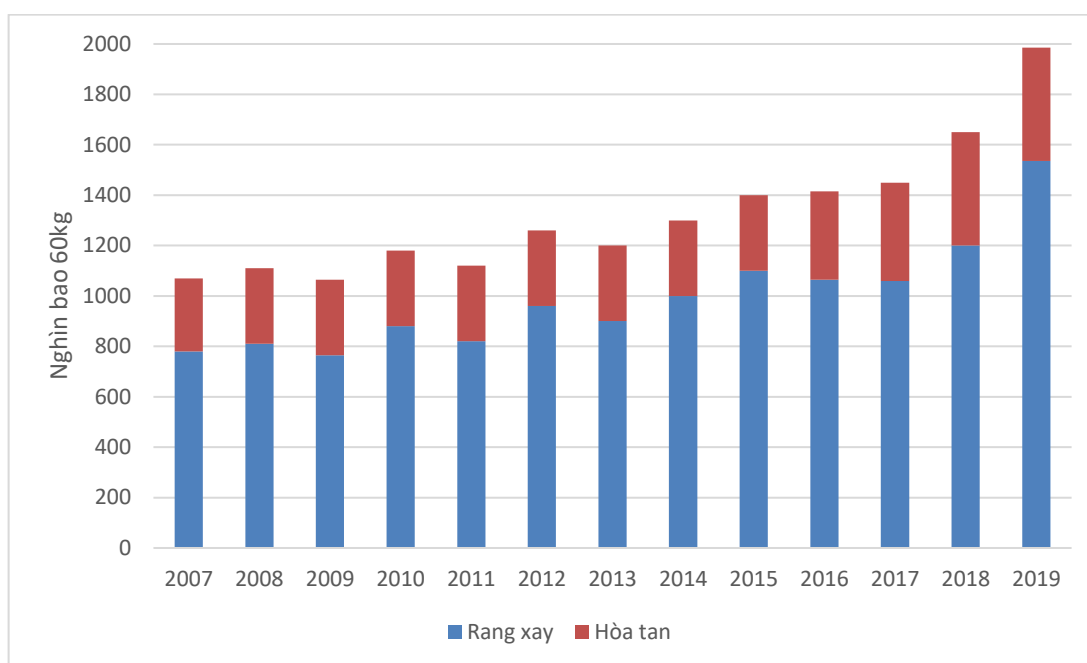
Trong năm 2018, nước xuất khẩu cà phê lớn nhất vào Colombia là Peru với 28% tổng thị phần, tiếp theo là Brazil (27%), Honduras (21%), Ecuador (8%). Trong 5 năm 2013 - 2017, chỉ có năm 2016 là Colombia nhập khẩu cà phê từ Việt Nam song giá trị nhỏ chỉ có 25 nghìn USD, chiếm chưa tới 1% trong tổng giá trị nhập khẩu cà phê của Colombia.

### 3.3. Tiêu dùng trong nước và tồn kho

Mức tiêu thụ cà phê của Colombia được điều chỉnh tăng so với ước tính trước đó vì tỷ lệ tiêu thụ ở các nước sản xuất như Colombia đã tăng với tốc độ nhanh hơn trong những năm qua, chủ yếu do số lượng cửa hàng cà phê ngày càng tăng và tạo ra các sản phẩm cà phê mới. Ước tính mức tiêu thụ cho niên vụ 2018/19 là 1,95 triệu bao, song song với việc tăng nhập khẩu cà phê. Trong niên vụ 2019/20, mức tiêu thụ được dự báo sẽ đạt 2,0 triệu bao, tăng 2,5% so với năm trước.

Các công ty lớn trong thị trường cửa hàng cà phê Colombia là: Juan Valdez, OMA và Café Tostao. Các công ty khác có sự hiện diện trong thị trường này bao gồm McCafe, Illy, Segafredo và nhà bán lẻ cà phê lớn, Starbucks. Café Tostao bắt đầu hoạt động vào cuối năm 2015 và đã phát triển mạnh mẽ trong những năm qua để có hơn 400 cửa hàng cà phê nhỏ ở Bogota, Cali và Medellin cung cấp các sản phẩm cà phê và bánh ngọt với giá thấp hơn so với đối thủ cạnh tranh. Chiến lược này đã đưa Café Tostao trở thành người bán cà phê lớn thứ hai ở Colombia, sau Juan Valdez.

**Hình 10: Tiêu dùng cà phê nội địa của Colombia từ 2007-2018 (nghìn bao 60 kg)**



*Nguồn: ICO và USDA*

Chính phủ và Fedecafe không có chính sách hỗ trợ tồn kho cho các kho cà phê quy mô lớn tại Colombia. Trong niên vụ 2018/19, các cô phiếu đầu năm ước tính khoảng 1,1 triệu bao do thu hoạch bị trì hoãn và giá thấp khiến giao dịch không được khuyến khích. Trong năm 2019/20, tồn kho đầu và cuối của niên vụ được dự báo sẽ giảm xuống còn 567.000 và 512.000 bao, do kết quả của việc tăng xuất khẩu và nhu cầu trong nước.

**Bảng 2: Tồn kho cà phê Colombia từ niên vụ 2015/2016 đến 2019/2020**

Niên vụ	2015/2016	2016/2017	2017/2018	2018/2019	2019/2020
Tồn kho đầu niên vụ (triệu bao)	671	1.131	886	1.111	850
Tồn kho cuối niên vụ (triệu bao)	1.131	886	1.111	850	525

*Nguồn: USDA*

### 3.4. Biến động giá cà phê trong nước

Giá trong nước Colombia phụ thuộc vào giá quốc tế của New York và peso Colombia (COP) sang tỷ giá hối đoái bằng đô la Mỹ. Mặc dù tỷ giá hối đoái thuận lợi cho các nhà xuất khẩu, việc giảm giá quốc tế đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá nội bộ trong năm 2018 và đầu năm 2019.

**Hình 11: Diễn biến giá cà phê trong nước của Colombia (nghìn COP/bao 125 kg)**





*Nguồn: USDA và FEDECAFE*

Kể từ tháng 5 năm 2019, sự phục hồi của giá quốc tế và sự mất giá của peso Colombia so với đồng đô la đã duy trì giá nội bộ trên mức trung bình ước tính chi phí sản xuất (715.000 đô la COP / túi 125Kg, khoảng \$ 208 USD).

Theo Fedecafe, khoảng 40% tổng sản lượng cà phê của Colombia nhận được phí bảo hiểm đáng kể vì là cà phê đặc sản. Các nhà sản xuất cà phê Colombia có kế hoạch cải thiện chất lượng để bán hầu hết các loại cà phê đặc sản.

### 3.5. Chính sách thương mại

Trong năm 2019, việc giá cà phê trong nước bị giảm mạnh do thị trường quốc tế giảm đã thúc đẩy người trồng cà phê yêu cầu chính phủ hỗ trợ. Theo đó, chính phủ Colombia đã phân bổ 155,5 tỷ đô la COP (khoảng 50 triệu đô la) cho người trồng cà phê để bảo vệ thu nhập của nông dân qua các khoản thanh toán trực tiếp. Chính phủ trợ cấp giá mua nội bộ trả tới 30.000 đô la COP (9,5 đô la) cho mỗi túi 125 kg (275 lb) khi giá trong nước giảm xuống dưới 715.000 đô la COP. Khoản trợ cấp chỉ có hiệu lực vào tháng 2, tháng 3 và tháng 4 năm 2019, vì giá đã được trên điểm hòa vốn này trong các tháng khác.

Quỹ tài chính cho ngành nông nghiệp (FINAGRO) cũng cung cấp các khoản vay với các điều khoản hoàn vốn chiết khấu và một hạng mục cho vay đặc biệt cung cấp vốn cho những người trồng nho nhỏ trong việc trồng lại các cánh đồng cà phê của họ. Phần lớn những người trồng cà phê là thành viên của Fedecafe và tận dụng lợi thế của tổ chức các chương trình giáo dục, đào tạo kỹ thuật và hỗ trợ bán hàng. Fedecafe cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các nhà sản xuất cà phê thông qua dịch vụ khuyến nông hỗ trợ người trồng thực hành tốt để trồng, thu hoạch và sau thu hoạch, cũng như chế biến có ảnh hưởng đến chất lượng cà phê cuối cùng. Ngoài ra, Fedecafe quản lý các chương trình cho vay lãi suất thấp cho các chi phí trồng lại. Hầu hết các chính sách và chương

trình cho ngành cà phê được tài trợ bởi Quỹ Cà phê Quốc gia, đây là chương trình thanh toán thu thập sáu xu mỗi pound cà phê từ các nhà sản xuất. Các nguồn ngân sách từ quỹ này được quản lý bởi Fedecafe.

Bên cạnh đó, nhằm thúc đẩy giao thương cà phê bằng cách tham gia ký kết các Hiệp định thương mại, trong những năm qua, chính phủ Colombia đã có những chính sách nhằm thúc đẩy giao thương hàng hóa của Colombia nói chung cũng như cà phê nói riêng với các nước khác trên thế giới. Colombia đã tham gia các hiệp định thương mại tự do FTA với Mỹ, Canada, EU, đạt được thỏa thuận thương mại với Panama, là thành viên của Liên minh Thái Bình Dương và gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Là một phần của chính sách phân biệt và cải tiến chất lượng, Colombia tiếp tục tăng cường xuất khẩu cà phê chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn cà phê quốc tế (được cấp chứng nhận UTZ Certified, USDA Organic, 4C, và Rainforest Alliance) và thu được nhiều giá trị gia tăng hơn.

## **IV. KẾT LUẬN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM**

### **4.1. Kết luận**

Cà phê Colombia nổi tiếng trên toàn thế giới về chất lượng và hương vị thơm ngon; Trên thực tế, cùng với một vài quốc gia khác, cà phê Colombia nói chung được xem là một trong những loại tốt nhất trên thế giới. Các yếu tố vị trí địa lý và điều kiện khí hậu, quy trình canh tác và thu hoạch, và chủng loại giống cà phê đã tạo nên sự khác biệt của cà phê Colombia trên thị trường quốc tế.

Cà phê đặc sản Colombia được sản xuất theo quy trình của nhiều chương trình quốc tế về chứng chỉ thương mại và chứng nhận hữu cơ như USDA Organic, UTZ Certified, 4C, và Rainforest Alliance, nhờ đó đạt được chất lượng cao và thu được giá trị gia tăng lớn. Cà phê Colombia phần lớn được chế biến bằng phương pháp chế biến ướt, nhờ đó tạo ra một phẩm chất vị cao hơn cho cà phê, giúp cà phê của Indonesia có chất lượng cao, có lợi thế cạnh tranh với cà phê của các nước khác. Trong khi đó, tỷ lệ cà phê chế biến ướt của Việt Nam vẫn còn thấp (chiếm 15% năm 2016) khiến chất lượng hạt cà phê của Việt Nam khó cạnh tranh với các nước khác.

Mặc dù giống cà phê mới làm từ nông dân nước này đã chứng minh khả năng tăng trưởng đáng kể ở mức giá quốc tế hiện tại, Colombia không có sự năng động tương đối quan trọng trên thị trường toàn cầu của sản phẩm này. Trong giai đoạn giữa năm 1905 và 1935, ngành công nghiệp cà phê ở Colombia đã phát triển mạnh mẽ nhờ tầm nhìn và chính trị lâu dài bắt nguồn từ việc thành lập Federación Nacional de Cafeteros de Colombia (Liên đoàn những người trồng cà phê quốc gia Colombia) vào năm 1927.

Liên hiệp nông dân địa phương và các nhà sản xuất nhỏ xung quanh Liên bang cho phép họ đối mặt với những khó khăn về hậu cần và thương mại mà cá nhân không thể có được. Với thời gian và thông qua nghiên cứu được thực hiện tại Cenicafé, được thành lập năm 1938 và Dịch vụ Khuyến nông của Liên bang, hệ thống canh tác được

cải thiện. Các mô hình không gian hiệu quả hơn đã được phát triển cho phép phân biệt sản phẩm và hỗ trợ chất lượng của nó. Hiện tại Vùng đất cà phê ở Colombia bao gồm tất cả các dãy núi và các khu vực miền núi khác của đất nước, và tạo thu nhập cho hơn 500.000 gia đình trồng cà phê.

Ngoài ra, Colombia còn phát triển du lịch sinh thái gắn với cây cà phê. Một công viên quốc gia với mô hình dựa trên sản xuất cà phê của Colombia đã được xây dựng tại khu vực Quindío vào năm 1995 bởi Liên đoàn những người trồng cà phê Colombia và Ủy ban của những người trồng cà phê Quindío. Năm 2009, công viên đã đón vị khách thứ 5 triệu đến thăm quan.

#### **4.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

Thành công của ngành cà phê Colombia đem lại những bài học thực tiễn cho nhiều quốc gia sản xuất cà phê trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Việt Nam là nước xuất khẩu cà phê robusta lớn thứ 2 trên thế giới thế nhưng giá trị cà phê mang lại cho Việt Nam chưa cao. Để nâng cao chất lượng cà phê, Việt Nam cần xây dựng một quy chuẩn khắt khe hơn đối với sản xuất cà phê, tìm hướng nâng cao sản lượng, chất lượng cà phê trên cơ sở ứng dụng khoa học kỹ thuật, chứ không nên nâng cao sản lượng cà phê dựa vào phân bón.

Cà phê đặc sản đã phát triển ở nhiều nước trên thế giới, ở Việt Nam ngành hàng này còn rất mới mẻ nên cần khai thác, quảng bá cà phê đặc sản ở thị trường trong nước tốt hơn sau đó mới đến thị trường ngoài nước. Kết hợp xây dựng thương hiệu cà phê đặc sản và làm du lịch sinh thái tại địa phương.

Để phát triển ngành hàng cà phê đặc sản, tham gia vào thị phần cà phê nhiều tiềm năng này trước mắt các doanh nghiệp, người nông dân trồng cà phê phải vào cuộc thay đổi tư duy sản xuất, chế biến, nâng cao chất lượng cà phê, tăng cường mời gọi, quảng bá cà phê và các sản phẩm cà phê, chúng ta phải khẳng định rằng Việt Nam không chỉ nhiều cà phê, có cà phê ngon mà còn có cà phê đặc sản.

Ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ cao trong sản xuất, chế biến cà phê đặc sản, xác định phân khúc thị trường và quảng bá thị trường cà phê đặc sản, nhằm gia tăng giá trị hạt cà phê, mang lại giá trị cao cho người trồng cà phê.

Từ đóng góp to lớn của Fedecafe đối với thành công của ngành cà phê Colombia, Việt Nam cần nâng cao vai trò và hoạt động của Hiệp hội cà phê cao Việt Nam, nếu cần có thể thành lập 1 tổ chức điều phối hoạt động dọc chuỗi ngành cà phê để tạo liên kết chặt chẽ giữa các tác nhân trong chuỗi ngành hàng cà phê từ người sản xuất, chế biến, nhà xuất khẩu, các nhà khoa học và cả cơ quan nhà nước.

Việt Nam nên xây dựng Quỹ cà phê để hỗ trợ ngành hàng, như: chi phí sản xuất (đầu vào, lao động, chi phí máy móc), chi phí thu hoạch, hỗ trợ tạm trữ cho người sản xuất và hợp tác xã (với mức hỗ trợ bằng 50% công suất chế biến của mỗi hợp tác

xã. Có thể hỗ trợ mua cà phê với mức hỗ trợ là 50% công suất chế biến; hỗ trợ quảng cáo; hỗ trợ nghiên cứu phát triển ngành cà phê. ...

Đồng thời nên đẩy mạnh mô hình hợp tác công tư (mô hình PPP - Nhà nước và tư nhân cùng hợp tác đầu tư và thực hiện) sẽ tạo ra một sân chơi để các đối tác (nhà nước, DN, nông dân) cùng tham gia và mỗi đối tác đều có thế mạnh riêng của mình, họ sẽ cùng nhau làm gia tăng giá trị cho cà phê.

## PHỤ LỤC

**Bảng 3: Diện tích, năng suất và sản lượng cà phê Colombia từ 2007-2018**

Niên vụ	Sản lượng (triệu bao 60kg)	Năng suất (bao 60kg/ha)	Diện tích (nghìn ha)
2010/11	8,5	9,3	914
2011/12	7,7	8,3	921
2012/13	9,9	10,7	931
2013/14	12,2	12,5	974
2014/15	13,3	14,1	949
2015/16	14,0	14,9	941
2016/17	14,6	15,7	932
2017/18	14,0	15,5	904
2018/19	13,9	15,8	877

*Nguồn: USDA và FAO*

**Bảng 4: Cơ cấu sản lượng cà phê tại Colombia từ 2010-2019 (nghìn bao 60kg)**

Năm	Sản lượng cà phê	Lượng cà phê rang xay	Lượng cà phê hòa tan
2010	8100	945	1.205
2011	8525	870	1.200
2012	7655	1035	855
2013	9927	985	910
2014	12075	1080	860
2015	13300	1190	925
2016	14000	1165	1.035
2017	14600	1215	1.180
2018	13825	1375	1.200
2019	14300	1736	1.225

*Nguồn: USDA và Fedecafe*

**Bảng 5: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Colombia từ 2007-2018**

Năm		Giá trị (tỷ USD)
-----	--	------------------

	<b>Lượng (triệu tấn)</b>	<b>Tổng</b>	<b>Cà phê thô</b>	<b>Cà phê chế biến</b>
2007	0,7	1,9	1,7	0,2
2008	0,6	2,1	1,9	0,2
2009	0,5	1,8	1,6	0,2
2010	0,4	2,2	1,9	0,2
2011	0,5	2,9	2,7	0,3
2012	0,4	2,2	2,0	0,3
2013	0,6	2,2	1,9	0,2
2014	0,6	2,7	2,5	0,2
2015	0,7	2,8	2,6	0,2
2016	0,8	2,7	2,5	0,2
2017	0,7	2,8	2,6	0,2
2018	0,7	2,6	2,3	0,2

*Nguồn: Trademap*

**Bảng 6: Giá xuất khẩu cà phê không tan bình quân năm của Colombia so với Việt Nam từ 2007-2018 (USD/tấn)**

<b>Năm</b>	<b>Giá cà phê Colombia</b>	<b>Giá cà phê Việt Nam</b>
2007	2.717	1.556
2008	3.171	1.992
2009	3.417	1.462
2010	4.629	1.520
2011	6.079	2.191
2012	4.882	2.072
2013	3.511	2.010
2014	4.037	2.011
2015	3.589	1.882
2016	3.330	1.783
2017	3.582	2.115
2018	3.232	1.869

*Nguồn: Trademap*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Agroinfo, <http://agro.gov.vn>
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, <https://www.mard.gov.vn/>
3. Bộ Công thương Việt Nam, <http://www.moit.gov.vn>
4. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA),  
<https://apps.fas.usda.gov/psdonline/app/index.html#/app/home>
5. International Coffee Organization (ICO), <http://www.ico.org>
6. Trademap, <https://www.trademap.org>
7. Trang ngoại giao kinh tế trực tuyến - Bộ ngoại giao, <http://ngkt.mofa.gov.vn>
8. Ngân hàng thế giới, <https://worldbank.com>
9. Wikipedia, <https://www.wikipedia>
10. Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hiệp quốc, <https://www.fao.org>